

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu,
tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội; Luật kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ “V/v quy định về quản lý Khu công nghiệp và khu kinh tế”;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “V/v sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/5000) huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 Vùng xây dựng tập trung và các Khu phát triển phân tán, Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn”;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 08/02/2022 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”; kelu

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 820-TB/TU ngày 13/01/2022 của Tỉnh ủy “V/v ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu”;

Căn cứ Văn bản số 4822/UBND-QH3 ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh “V/v lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 21/4/2023 “V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn quy hoạch.

2.1. Phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Bình Liêu gồm 06 xã và 01 thị trấn mới (sau khi sáp nhập xã Tĩnh Húc vào thị trấn Bình Liêu theo Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Ranh giới như sau: Phía Đông giáp huyện Hải Hà; Phía Tây giáp huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; Phía Nam giáp huyện Tiên Yên và huyện Đầm Hà; Phía Bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

2.2. Quy mô diện tích: Khoảng 47.075,72ha (470,7km²).

2.3. Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Mục tiêu lập quy hoạch.

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030; các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, quy hoạch kinh tế xã hội huyện Bình Liêu, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện Bình Liêu;

- Phát huy thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, văn hóa - xã hội phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc; thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Bình Liêu giàu mạnh, văn minh, là huyện có bước phát triển đột phá về kinh tế - xã hội của Tỉnh;

- Xây dựng các tiêu chí hướng tới: Hình thành Huyện nông thôn mới điển hình năm 2023; Phấn đấu và xây dựng Thị trấn Bình Liêu đến năm 2030 thành đô thị loại IV trên cơ sở đảm bảo các tiền đề cho phát triển đô thị trung tâm Bình Liêu trong tương lai; kelu

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế đô thị miền núi của huyện Bình Liêu, phát triển không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, du lịch cộng đồng; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn;

- Làm cơ sở pháp lý để lập quy hoạch nông thôn các dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật huyện; là căn cứ quan trọng để triển khai các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư và là tiền đề để thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

4. Tính chất, chức năng.

- Là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh và cấp vùng về kinh tế cửa khẩu mậu dịch biên giới, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và dịch vụ, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh;

- Là đô thị miền núi; là trung tâm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái - trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, du lịch biên giới; là trung tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc của tỉnh Quảng Ninh;

- Là khu vực có kinh tế - xã hội phát triển, văn hóa lịch sử được bảo tồn, môi trường sinh thái được giữ gìn và có Quốc phòng an ninh vững mạnh trên tuyến biên giới, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động bền vững trên địa bàn huyện Bình Liêu.

5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển.

5.1. Dự báo dân số:

- Dân số hiện trạng khoảng 33.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi);

- Đến năm 2030 dân số thường trú khoảng 38.100 người, dân số quy đổi khoảng 7.900 người (Tổng quy mô 46.000 người);

- Đến năm 2040 dân số thường trú khoảng 58.800 người, dân số quy đổi khoảng 26.200 người (Tổng quy mô 85.000 người).

(Dân số đô thị tính trên 2 đô thị là thị trấn Bình Liêu và thị trấn Hoành Mô).

5.2. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa.

- Hiện trạng 2022: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 26%.

- Đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 39%.

- Đến năm 2040: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 48%.

5.3. Dự báo nhu cầu, cơ cấu sử dụng đất

a. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030:

- Đất sản xuất nông nghiệp: Khoảng 43.011ha (bao gồm đất nông nghiệp; đất lâm nghiệp đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác...); chiếm 91,4% tổng diện tích toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp: Khoảng 4.064,72ha (bao gồm khu đô thị hiện trạng; đất khu đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới; đất khu dân cư nông thôn; giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; tôn giáo - tín ngưỡng; nghĩa trang; quốc phòng, an ninh, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch...); chiếm khoảng 8,6% tổng diện tích toàn huyện.

- Dự báo đất xây dựng trên địa bàn huyện: Khoảng 1.916ha, trong đó: Đất xây dựng đô thị khoảng 596 ha; đất khu dân cư nông thôn khoảng 1.320 ha.

b. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 204.

- Đất sản xuất nông nghiệp: Khoảng 41.955,94ha (bao gồm đất nông nghiệp; đất lâm nghiệp đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác...); chiếm 89,1% tổng diện tích toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp: Khoảng 5.119,78ha (bao gồm khu đô thị hiện trạng; đất khu đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới; đất khu dân cư nông thôn; giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; tôn giáo - tín ngưỡng; nghĩa trang; quốc phòng, an ninh, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch...); chiếm 10,9% tổng diện tích toàn huyện.

- Dự báo đất xây dựng trên địa bàn huyện: Khoảng 3.515ha, trong đó: Đất xây dựng đô thị khoảng 989 ha; đất khu dân cư nông thôn khoảng 2.526 ha.

c) Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất toàn huyện:

Stt	Hạng mục	Hiện trạng		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	47.075,72	100,0	47.075,72	100,0	47.075,72	100,0
I	Đất sản xuất nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản)	43.054,90	91,5	43.011,00	91,4	41.955,94	89,1
1	Đất nông nghiệp	3.634,97	7,7	2.748,00	5,8	2.270,93	4,8
2	Đất lâm nghiệp	39.369,55	83,6	40.170,00	85,3	39.634,63	84,2
3	Đất nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác	50,38	0,1	93,00	0,2	50,38	0,1
II	Đất phi nông nghiệp	2.916,61	6,2	4.064,72	8,6	5.119,78	10,9
1	Đất khu ở đô thị	181,34	0,4	378,49	0,8	588,04	1,2
-	Đất khu đô thị hiện trạng (1)	181,34	0,4	249,69	0,5	342,60	0,7
-	Đất khu đô thị định hướng hình thành mới (2)			128,80	0,3	245,44	0,5
2	Đất khu dân cư nông thôn (1)	1.035,46	2,2	1.045,59	2,2	1.130,67	2,4
3	Đất chuyên dùng (giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng kinh tế; tôn giáo - tín ngưỡng; nghĩa trang; an ninh,...)	833,08	1,8	963,69	2,0	1.110,50	2,4
4	Đất quốc phòng (3)	87,82	0,2	87,82	0,2	87,82	0,2
5	Đất trụ sở cơ quan	9,51	0,02	9,51	0,02	14,73	0,03
6	Đất công nghiệp, cụm công nghiệp	7,27	0,02	258,60	0,5	331,00	0,7
a	Đất công nghiệp	7,27	0,02	108,60	0,2	181,00	0,4

Stt	Hạng mục	Hiện trạng		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
b	Đất cụm công nghiệp	-	-	150,00	0,3	150,00	0,3
8	Đất dịch vụ thương mại, du lịch	6,11	0,0	565,00	1,2	1.101,00	2,3
9	Mặt nước (sông, kênh, rạch)	756,02	1,6	756,02	1,6	756,02	1,6
III	Đất chưa sử dụng, đất khác	1.104,21	2,3	-	-	-	-

Ghi chú:

(1) Đất khu đô thị và khu dân cư nông thôn bao gồm: đất ở, đất vườn gắn với nhà ở và khu vực sản xuất, chăn nuôi hộ gia đình;

(2) Đất khu đô thị định hướng hình thành mới đô thị Hoàn Mỹ - Đồng Văn giai đoạn 2030 - 2040;

(3) Quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn huyện Bình Liêu đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo diện tích theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (ở giai đoạn quy hoạch có một phần diện tích đất quốc phòng nằm trong khu vực đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp);

(4) Các loại đất chức năng của đồ án quy hoạch giai đoạn đến năm 2030 đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh.

6. Định hướng phát triển không gian vùng.

6.1. Mô hình cấu trúc phát triển: Định hướng phát triển với 02 trọng tâm, 03 hành lang và 03 phân vùng:

- Hai trọng tâm: (1) Đô thị Bình Liêu là vùng lõi đô thị hóa của huyện Bình Liêu trong tương lai, phát triển trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, giáo dục dịch vụ tổng hợp, hỗ trợ sản xuất và dịch vụ du lịch của huyện Bình Liêu và vùng phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh; (2) Đô thị Hoàn Mỹ là đô thị cửa khẩu, trung tâm kinh tế, dịch vụ thương mại, du lịch của vùng biên giới; là trung tâm về thương mại biên giới, công nghiệp phụ trợ, tập kết trung chuyển hàng hoá qua biên giới.

- Ba hành lang: (1) Hành lang quốc lộ 18C kết nối thị trấn Bình Liêu với đô thị Hoàn Mỹ: Trục động lực kinh tế chủ đạo của huyện về đô thị; kết nối các đô thị, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện; (2) Hành lang du lịch - sinh thái phía Nam: Trục du lịch và dịch vụ kết nối các xã và các khu, điểm du lịch đặc trưng của Bình Liêu; (3) Hành lang sinh thái phía Bắc và Tây Bắc: Trục sinh thái cảnh quan cho phát triển du lịch trải nghiệm khám phá và đảm bảo quốc phòng an ninh biên giới.

- Ba phân vùng phát triển: (1) Vùng trung tâm huyện Bình Liêu; (2) Vùng phát triển nông - lâm nghiệp gắn với du lịch - dịch vụ phía Nam; (3) Vùng phát triển nông - lâm nghiệp, kết hợp đảm bảo an ninh quốc phòng phía Bắc và Tây Bắc.

6.2. Định hướng phát triển theo các phân vùng (03 phân vùng):

a) Phân vùng 1: Vùng trung tâm huyện Bình Liêu. kelu

- Phạm vi ranh giới: Gồm trung tâm Thị trấn Bình Liêu, trung tâm các xã Lục Hồn, Vô Ngại, Đồng Tâm và phần xây dựng tập trung khu vực cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn (hai bên trục quốc lộ 18C).

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 7.690 ha. Đến năm 2030 dân số khoảng 21.690 người; đất xây dựng khoảng 954ha. Đến năm 2040 dân số khoảng 53.590 người; đất xây dựng khoảng 1.473 ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là đô thị hành chính, khu kinh tế đa ngành, dịch vụ du lịch tổng hợp của huyện Bình Liêu với khu vực đô thị Bình Liêu gắn với đô thị Hoành Mô - Đồng Văn được định hướng là đô thị loại IV, khu vực Hoành Mô - Đồng Văn là đô thị loại V.

+ Phát triển các khu vực thuộc khu Bản Chuồng, Bản văn hoá người Tày (xã Lục Hồn) là các khu du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng, gắn với cảnh quan tự nhiên và công trình di tích có giá trị đặc biệt (đình Lục Nà, đình Vua Ngại, đài tưởng niệm Cao Ba Lanh...).

+ Xây dựng tại khu kinh tế Hoành Mô - Đồng Văn thành trung tâm kinh tế văn hoá, dịch vụ, du lịch của vùng biên giới phía Bắc tỉnh Quảng Ninh; là đô thị tổng hợp với không gian kiến trúc hiện đại, có bản sắc và đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại V; là cửa ngõ giao lưu hoạt động, trung chuyển thương mại quốc tế và đầu mối thương mại quan trọng trong khu vực miền núi Bắc Bộ, vùng vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ; thuận lợi cho việc thu hút, xúc tiến các hoạt động đầu tư trên cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ tại khu vực cửa khẩu.

b) Phân vùng 2: Vùng phát triển nông - lâm nghiệp gắn với du lịch - dịch vụ phía Nam.

- Phạm vi ranh giới: Nằm tại phía Nam và Đông Nam huyện gồm các xã Húc Động, một phần xã Lục Hồn, Đồng Tâm, một phần Thị trấn (khu Pắc Liêng), một phần xã Hoành Mô và một phần xã Đồng Văn.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 22.406 ha. Đến năm 2030 dân số khoảng 20.950 người; đất xây dựng khoảng 873 ha. Đến năm 2040 dân số khoảng 27.550 người; đất xây dựng khoảng 1.836 ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là vùng phát triển du lịch - dịch vụ phía Nam huyện Bình Liêu; là vùng phát triển tập trung ưu tiên các mô hình du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch trải nghiệm.

+ Xây dựng, phát triển các điểm du lịch như thác Khe Vằn (Húc Động), thác Khe Tiên, thác Sông Móc, Bãi đá thần Cao Ba Lanh (Đồng Văn), đình Cao Xiêm,...

+ Tổ chức thường kỳ các lễ hội truyền thống đón được đông đảo khách như lễ hội Đình Lục Nà (Lục Hồn), hội hát tháng Ba (Húc Động), hội Kiêng Gió (Đồng Văn), hội hoa sớ (Đồng Tâm)...

+ Khu vực xã Vô Ngại xây dựng cụm công nghiệp Vô Ngại quy mô khoảng 75ha, thu hút đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp, làng nghề sản xuất, tiểu thủ công nghiệp...

c) Phân vùng 3: Vùng phát triển nông - lâm nghiệp, kết hợp đảm bảo an ninh quốc phòng phía Bắc và Tây Bắc. kelu

- Phạm vi ranh giới: phía Bắc huyện gồm một phần các xã Vô Ngại, Lục Hồn, khu vực Thị trấn Bình Liêu và một phần xã Hoành Mô.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 16.980 ha. Đến năm 2030 dân số khoảng 3.360 người; đất xây dựng khoảng 88 ha. Đến năm 2040 dân số khoảng 3.860 người; đất xây dựng khoảng 206 ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là vùng bảo tồn cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái tự nhiên gắn với bảo tồn rừng phòng hộ, an ninh quốc phòng gồm các khu vực vành đai biên giới và vực rừng phòng hộ. Vùng rừng phòng hộ được bảo tồn nghiêm ngặt, không cho phép xây dựng công trình dân dụng và các khu chức năng. Khu vực biên giới chỉ phát triển tuyến điểm du lịch tham quan ngắm cảnh tại các điểm mốc và vị trí có cảnh quan đẹp; không xây dựng khu, cụm du lịch.

6.3. Định hướng phát triển đô thị.

a. Định hướng phát triển hệ thống đô thị theo các giai đoạn:

* Giai đoạn đến năm 2030:

- Định hướng Bình Liêu tiếp tục là đơn vị hành chính cấp huyện; phát triển đô thị thị trấn Bình Liêu và thị trấn Hoành Mô - Đồng Văn (thành lập mới).

- Thị trấn Bình Liêu: Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, đối với khu vực phát triển mới áp dụng theo tiêu chí đô thị loại IV.

- Thị trấn Hoành Mô - Đồng Văn (thành lập mới): Triển khai đề án thành lập thị trấn, bổ sung cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chí đô thị.

- Mở rộng các không gian phát triển tại phân vùng 1 gắn với hệ thống giao thông quốc gia (quốc lộ 18C) bao gồm: khu vực Đồng Tâm (Bản Nà Khau gần Cụm công nghiệp Đồng Tâm), khu vực trung tâm xã Húc Động (bản Nà Éch, Khe Mỏ) hình thành khu vực có các tiêu chuẩn đô thị phục vụ khu công nghiệp.

- Mở rộng không gian đô thị, hợp nhất thị trấn Bình Liêu với đô thị Hoành Mô - Đồng Văn, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 13/4/2023; đảm bảo các định hướng theo Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn.

* Giai đoạn 2030 - 2040 và tầm nhìn đến 2050:

- Thị trấn Bình Liêu và đô thị Hoành Mô - Đồng Văn: đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tiếp tục hoàn thiện đảm bảo các tiêu chí đô thị loại IV.

- Không gian liên kết giữa thị trấn Bình Liêu và đô thị Hoành Mô - Đồng Văn: Là vùng lõi đô thị hoá, đảm bảo tính chất là trục động lực kinh tế chủ đạo của huyện. Tiếp tục hình thành các khu chức năng bao gồm khu du lịch..., cụm công nghiệp.... sân golf...; các khu dân cư nhằm liên kết không gian đô thị giữa thị trấn Bình Liêu với đô thị Hoành Mô - Đồng Văn.

b. Định hướng phát triển đô thị thị trấn Bình Liêu.

- Phạm vi ranh giới, diện tích: Gồm thị trấn Bình Liêu hiện tại và không gian mở rộng sang một phần xã Vô Ngại (khoảng 276 ha) và xã Lục Hồn (khoảng 352ha). lulu

- Tính chất: Là đô thị miền núi, biên giới; là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Bình Liêu; Là điểm hội tụ của cộng đồng văn hóa các dân tộc (Tày, Dao, Sán chỉ) tỉnh Quảng Ninh; Là cửa ngõ thương mại, dịch vụ hỗ trợ cửa khẩu chính và trung tâm du lịch núi cấp tỉnh; Giữ vai trò quan trọng về an ninh, quốc phòng của Quốc gia.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 15.000 người; đến năm 2040 khoảng 35.000 người.

- Định hướng phát triển:

+ Đến năm 2030 là đô thị loại V; định hướng các tiêu chí hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại IV;

+ Cấu trúc không gian được phân thành 02 vùng: Vùng trung tâm thị trấn mở rộng và vùng bảo tồn cảnh quan nông, lâm nghiệp kết hợp du lịch dịch vụ:

(1) Vùng trung tâm Thị trấn Bình Liêu được tổ chức thành các cụm đô thị gắn với các hình thái thềm địa hình đặc trưng của từng khu vực. Khai thác quỹ đất có địa hình tương đối bằng phẳng theo hành lang hai bên quốc lộ 18C hiện hữu, gắn kết với cảnh quan sông Tiên Yên để mở rộng khu vực xây dựng, bổ sung các khu chức năng mới. Xây dựng tuyến tránh quốc lộ 18C phía Đông Nam thị trấn để phân tách luồng giao thông qua đô thị, tạo dựng khu vực trung tâm phát triển đô thị du lịch ổn định, lâu dài. Khu vực làng xóm hiện hữu thấp tầng và mật độ thấp theo mô hình kiến trúc làng xóm truyền thống. Tổ chức vành đai xanh nông nghiệp và các không gian xanh dọc theo sông Tiên Yên trong đô thị.

(2) Vùng bảo tồn cảnh quan thị trấn Bình Liêu về phía Tây Bắc và Đông Nam được xác định là vùng hỗ trợ phát triển về du lịch, nông nghiệp sạch và là vùng cảnh quan đồi núi. Hạn chế phát triển đô thị, chủ yếu cải tạo các khu dân cư cũ và hình thành các khu vực hoạt động nông lâm nghiệp theo hướng hàng hóa.

c. Định hướng phát triển đô thị Hoành Mô - Đồng Văn:

- Phạm vi ranh giới: Gồm xã Hoành Mô và xã Đồng Văn, trong đó khu vực hình thành đô thị tập trung chủ yếu tại xã Hoành Mô và khu vực trung tâm xã Đồng Văn hiện hữu.

- Tính chất: Là đô thị dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, công nghiệp, logistic, đầu mối giao thông phía Đông huyện Bình Liêu và tỉnh; có vai trò tương hỗ về phát triển kinh tế cửa khẩu với đô thị Móng Cái.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 3.000 người; đến năm 2040 khoảng 6.000 người.

- Định hướng phát triển theo định hướng Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn:

+ Đến năm 2030: là đô thị loại V. Đến năm 2040 phấn đấu đạt tiêu chí về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của đô thị loại IV.

+ Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đàm phán, ngoại giao với nước bạn Trung Quốc để Hoành Mô được công nhận là cửa khẩu song phương thúc đẩy phát triển các hoạt động thương mại biên giới, cửa khẩu Đồng Văn là cửa khẩu phụ.

6.4. Định hướng phát triển nông thôn. ulu

a) Định hướng phát triển.

- Khu vực các xã nông thôn: Rà soát, thực hiện lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã theo hướng cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo các giai đoạn phát triển đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan truyền thống, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

- Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng sản xuất gắn với cải tạo chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn hiện hữu.

b) Khu làng xóm hiện hữu.

- Giữ nguyên cấu trúc các cụm làng bản gắn với các tuyến đường liên huyện, liên xã như hiện tại để giữ không gian văn hóa, sản xuất phục vụ cho du lịch. Từng bước phát triển các cụm điểm tập trung tại trung tâm xã, khu vực thuận lợi giao thông để hình thành các khu hỗ trợ dịch vụ sản xuất cho nông lâm nghiệp.

- Kiểm soát không gian định cư truyền thống về mật độ xây dựng, về tầng cao và mật độ cư trú; bảo vệ không gian nông nghiệp xung quanh các khu dân cư. Bảo tồn bản sắc văn hóa thôn, bản của đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Đối với các làng có tiềm năng về cảnh quan, có giá trị làng nghề truyền thống khai thác các loại hình du lịch xanh, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng và gắn kết được với các tuyến điểm du lịch trong tổng thể; khuyến khích phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp, cộng đồng người Tày, Dao, Sán Chỉ,... là đối tượng tham gia chính vào hoạt động du lịch. Kiến trúc nhà truyền thống sẽ được phục dựng đúng với kiến trúc cổ của người Tày, Dao, Sán Chỉ,... và các khu vực được lựa chọn các điểm bảo tồn riêng đối với mỗi dân tộc phù hợp với Đề án "Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc huyện Bình Liêu".

c) Khu dân cư nông thôn phát triển mới: Phát triển các khu dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với nhu cầu phát triển đất ở của dân cư nông thôn. Khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẽ, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

d) Giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn đến 2030: Hình thành đô thị Hoàn Mỹ, huyện có 7 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn Bình Liêu và Hoàn Mỹ; 5 xã Lục Hồn, Vô Ngại, Đồng Tâm, Đồng Văn, Húc Động.

+ Khu vực nông thôn được phát triển theo hướng cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng nông thôn các xã đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo các giai đoạn phát triển. Không gian kinh

nông thôn phù hợp với định hướng chung của các tiểu vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan.

+ Phát triển du lịch nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường. Phát triển du lịch nông thôn hiệu quả sẽ góp phần phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Giai đoạn 2030-2040:

+ Xem xét rà soát, điều chỉnh địa giới hành chính xã cho phù hợp với quy mô phát triển của một số xã; có giải pháp điều chỉnh diện tích các xã hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội và thuận tiện trong công tác quản lý (do các xã có diện tích lớn).

+ Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp, lâm nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận.

e) Phân vùng phát triển.

- Tập trung phát triển khu vực trung tâm các xã; các khu vực phát triển cụm công nghiệp: Đồng Tâm, Vô Ngại; các khu vực dự kiến phát triển các trung tâm du lịch: xã Đồng Văn, Húc Động, Đồng Tâm, Lục Hồn...

- Các khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp chủ yếu giữ nguyên hiện trạng, phát triển các khu chức năng. góp phần giữ ổn định đất nông nghiệp, phát triển kinh tế, giữ gìn môi trường; bảo vệ, phát triển gắn với các dự án quy hoạch du lịch, khai thác các không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên cho hoạt động cộng đồng các khu cảnh quan có giá trị: Núi Cao Ly, Cao Sơn, Cao Xiêm, Cao Ba Lanh, ruộng bậc thang Lục Hồn, Sóng lưng khủng long (Mốc 1305), thác Khe Vằn, thác Sủ Cẩu, thác Khe Tiền, Sông Móoc, 2 bên sông Tiên Yên, Tiên Mô, rừng Ngàn Chi...

- Bảo vệ nghiêm ngặt Các khu vực rừng phòng hộ, rừng có nguồn gốc tự nhiên; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, vùng cảnh quan sinh thái có giá trị đã được xác định...

6.5. Quy hoạch mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng.

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10 - 40 ha, quy mô dân số từ 2.000 - 3.000 người. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã....được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km.

- Trung tâm thôn xóm: Nhà văn hóa thôn, trường mầm non... được bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, nghiên cứu quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng (đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội...). Uellu

6.6. Các khu vực bảo vệ, kiểm soát đặc biệt, hạn chế phát triển.

- Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ: Hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ; không tác động vào khu vực rừng tự nhiên.

- Hành lang các tuyến sông: Đảm bảo hành lang cách ly bảo vệ sông và dự phòng khi có lũ.

- Khu vực an ninh quốc phòng: Không chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận phải có ý kiến thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.

- Các khu di tích văn hóa, lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo Luật di sản.

- Khu vực cảnh quan có giá trị, khu vực sinh thái rừng: Bảo vệ, phát triển gắn với các dự án quy hoạch du lịch, khai thác các không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên cho hoạt động cộng đồng.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp phải được thỏa thuận quy hoạch kiến trúc để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

6.7. Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật nông thôn.

- Nông thôn mới nâng cao: Đến cuối năm 2023, 6/6 xã đạt 19/19 tiêu chí; 57/57 chỉ tiêu nông thôn mới; 75/75 chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Nông thôn mới kiểu mẫu: Phấn đấu đến cuối năm 2025, một số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo các tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 17/03/2017 của UBND tỉnh.

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội, kỹ thuật đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng - QCVN01:2021/BXD; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Quyết định 319/QĐ-TTg 2022 ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

7.1. Định hướng phát triển công nghiệp.

- Ưu tiên các loại hình công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường; phát triển các ngành công nghiệp gắn với lợi thế về tài nguyên, nguồn nguyên liệu và lao động của huyện và các địa phương lân cận; KDL

- Giai đoạn đến 2030:

+ Xây dựng 02 cụm công nghiệp; tuân thủ nguyên tắc tách biệt với khu dân cư; các cụm công nghiệp phải gắn liền với việc chế biến nông, lâm sản, trong đó tập trung vào chế biến sâu, theo chuỗi giá trị các sản vật của địa phương như quế, hồi, sớ, dong riềng....

+ Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Tâm (đã đề xuất thành lập với diện tích 35,1 ha): Dự kiến đến năm 2030 quy mô khoảng 74,7 ha. Tính chất của cụm là công nghiệp chế biến, công nghiệp sạch để sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, sửa chữa cơ khí; phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trong đô thị.

+ Cụm công nghiệp Vô Ngại: tổng diện tích dự kiến 75 ha. Định hướng phát triển theo mô hình đa ngành, đa nghề, trừ những ngành nghề ảnh hưởng đến môi trường và những ngành nghề pháp luật không cho phép; phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trong đô thị.

+ Phát triển các khu sản xuất và chế biến nông, lâm nghiệp, dược liệu tại các xã (Vô Ngại, Lục Hồn, Đồng Tâm, Hoàn Mỹ).

- Giai đoạn sau 2030: Tiếp tục phát triển các khu vực sản xuất công nghiệp tại Hoàn Mỹ - Đồng Văn để chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng đồng thời ưu tiên đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu...

7.2. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại.

- Xây dựng Khu Logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn quy mô khoảng 20ha.

- Bố trí cụm các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trên các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường, trên các quảng trường giao thông lớn, quảng trường trước các công viên cây xanh. Các trung tâm thương mại cấp đô thị tối thiểu 1 ÷ 3ha/công trình; chợ dân sinh tối thiểu 0,2 ha/công trình.

- Trung tâm thương mại - dịch vụ, chợ đầu mối và văn phòng cho thuê: Bố trí dọc quốc lộ 18C thuộc khu vực thị trấn Bình Liêu, xã Hoàn Mỹ, xã Đồng Văn. Tập trung xây dựng các công trình dịch vụ thương mại như: Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, tài chính ngân hàng, khách sạn, siêu thị,... tạo điểm nhấn cho không gian trung tâm, góp phần làm thay đổi bộ mặt tại các khu vực đô thị huyện Bình Liêu.

- Nâng cấp hệ thống chợ trung tâm thị trấn và tại các xã. Xây dựng các chợ truyền thống và trung tâm thương mại khu vực tại khu đô thị phát triển mới đảm bảo nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân.

- Cửa hàng xăng dầu cố định: Định hướng đầu tư và xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu tại trung tâm các xã Đồng Văn, Hoàn Mỹ, Lục Hồn, Vô Ngại.... phục vụ nhu cầu dân cư tại các xã. Vị trí và quy mô cụ thể được xác định tại Quy hoạch chung xây dựng các xã.

7.3. Định hướng phát triển dịch vụ du lịch.

- Khai thác cảnh quan, điều kiện tự nhiên, địa hình văn hoá của địa phương phát triển các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên; du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hoá đồng bào dân tộc.

- Thúc đẩy và tăng cường các tuyến du lịch biên giới: Hạ Long - Bình Liêu (thăm quan cửa khẩu Hoành Mô, thác Khe Vằn, đình Lục Nà) - Hải Hà - Móng Cái - Hạ Long; tuyến Hạ Long - Bình Liêu - Hạ Long, tạo nên liên kết du lịch giữa các địa phương trong tiểu vùng cửa khẩu gồm Móng Cái, Hải Hà, Bình Liêu với các điểm đến trong và ngoài nước.

- Phát triển du lịch biên giới thương mại, du lịch mua sắm, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm... giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào các dân tộc trong huyện để thu hút khách du lịch.

- Khai thác hiệu quả các điểm danh thắng sinh thái như thác Khe Vằn (Húc Động), thác Khe Tiên, thác Sông Móc, Bãi đá thần Cao Ba Lanh (Đồng Văn), Đình Cao Xiêm, Cao Ly ... Các lễ hội truyền thống đón được đông đảo khách như lễ hội Đình Lục Nà (Lục Hồn), hội hát Soóng Cọ (Húc Động), hội Kiêng Gió (Đồng Văn), hội hoa sớ (Đồng Tâm)...

- Khai thác cảnh quan, điều kiện tự nhiên, địa hình văn hoá của địa phương, phát triển các sản phẩm du lịch: du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái - trải nghiệm, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa, du lịch biên giới, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch chữa bệnh, du lịch mua sắm,... giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào các dân tộc trong huyện để thu hút khách du lịch. Tiếp tục khai thác vẻ đẹp tự nhiên của các vùng trồng hoa vùng hoa sớ, hoa đào, hoa thương phẩm chất lượng cao... tạo thành các sản phẩm du lịch đặc sắc, một thương hiệu văn hóa của huyện vùng cao Bình Liêu.

- Phát triển các tuyến du lịch sinh thái: Trung tâm du khách - Đình Lục Nà Điểm du lịch cộng đồng người Tày bản Cẩu - Cột mốc 1300/1305 - Cửa khẩu Hoành Mô; Trung tâm du khách - Đình Lục Nà - Cột mốc 1300/1305 - Điểm du lịch cộng đồng người Dao bản Sông Moóc B - Cao Ba Lanh - Thác Sông Moóc/Thác Khe Tiên - Vườn Hoa Cao Sơn; Trung tâm du khách - Đình Lục Nà - Cột mốc 1300 - Điểm du lịch cộng đồng người Sán Chỉ bản Lục Ngù - Cao Ly - Thác Khe Vằn - Điểm du lịch cộng đồng người Dao bản Sông Moóc B - Cao Ba Lanh - Cột mốc 1327.....; Các tuyến du lịch sinh thái văn hóa: Trung tâm du khách - Đình Lục Nà - Cao Xiêm - Rừng Ngàn Chi - Thác Đỏ, Trung tâm du khách - Đình Lục Nà - Cột mốc 1300/1305 - Thác Sông Moóc - Điểm du lịch cộng đồng người Dao bản Sông Moóc B....; Các tuyến du lịch văn hóa tâm linh: Trung tâm du khách - Đình Lục Nà - Cao Ba Lanh...; Các tuyến du lịch sinh thái cảnh quan: "Chinh phục các đỉnh núi cao của Bình Liêu", "Chinh phục các cột mốc biên giới"....

- Dự kiến xây dựng sân golf tại xã Lục Hồn (quy mô diện tích khoảng 170ha) nhằm đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, tăng cường kết nối du lịch Bình Liêu với các địa phương khác trong tỉnh.

7.4. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trang trại, chăn nuôi gắn với bảo vệ diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ. Vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp tập trung, năng suất cao trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ, duy trì sản lượng lương thực

đảm bảo lương thực nội bộ và các khu vực đô thị lân cận, định hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm.

- Thúc đẩy chuyển đổi giống cây trồng, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh vào sản xuất; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ theo hướng chuyên canh, thâm canh các loại cây trồng; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất để tăng sản lượng lương thực.

- Tăng diện tích trồng các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, trồng cây xen canh (ngô, khoai tây, rau...), phát triển một số cây như hồi, sò, hình thành vùng trồng dong riềng tập trung để cung ứng nguyên liệu cho sản xuất miến dong, vùng trồng rau an toàn, phấn đấu đến năm 2030 diện tích trồng dong riềng khoảng 400 ha; hình thành và phát triển vùng trồng cây dược liệu (ba kích, cây hồi, cây sò,...) khoảng 200÷300ha.

- Về trồng trọt:

- + Thúc đẩy chuyển đổi giống cây trồng, đưa các loại giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh vào sản xuất; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ theo hướng chuyên canh, thâm canh các loại cây trồng; đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ. Sản phẩm chính là lúa, ngô, dong riềng, cây ăn quả..., phát triển vùng trồng rau tập trung tại các xã Đồng Văn, Hoàn Mô, Lục Hồn, Thị trấn, Vô Ngại, Húc Động, dự kiến 40-60ha.

- + Phát triển và ứng dụng công nghệ để phát triển vùng trồng hoa chất lượng cao tại các xã Hoàn Mô, Đồng Văn, Đồng Tâm, Lục Hồn khoảng 15-20 ha. Hình thành vùng trồng dong riềng tập trung đến năm 2030 với quy mô khoảng 300ha tại xã Húc Động, Vô Ngại, Lục Hồn, Đồng Tâm, Hoàn Mô, thị trấn Bình Liêu; phát triển cây vụ Đông tại tất cả các xã trên địa bàn huyện với diện tích 560-650ha; phát triển cây ăn quả tại các xã Hoàn Mô, Đồng Tâm, Lục Hồn, Vô Ngại với diện tích 250-300 ha; phát triển vùng trồng cây dược liệu tại các xã trên địa bàn huyện 210-300 ha; dược liệu đặc hữu của huyện tại các xã cây hồi, cây quế, cây sò... khoảng 10.100-10.600 ha tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Về chăn nuôi: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với trang trại, gia trại, chuyển từ chăn nuôi theo phương thức tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt sang chăn nuôi công nghiệp với các vùng nguyên liệu được quy hoạch riêng cho chăn nuôi. Thu hút các doanh nghiệp tham gia xây dựng vùng sản xuất và chăn nuôi tập trung. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh. Bố trí vùng chăn nuôi tập trung, hoặc mô hình trang trại giai đoạn 2026-2030 là 36 trang trại, có diện tích đất trang trại chăn nuôi khoảng 71 ha. Sản phẩm chính là thịt trâu, bò, dê, lợn, gia cầm, ngựa.... Quy mô sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại chỗ và khách thăm quan du lịch.

- Nuôi trồng thủy sản: Sản phẩm cá nước ngọt và cá đặc sản cá nước lạnh (cá tầm). Quy mô diện tích khoảng 3-5ha tại thôn Sứ Cầu xã Húc Động, thôn Khe Tiền xã Đồng Văn. Định hướng nhân rộng mô hình ra một số địa phương khác khi có điều kiện. ulu

- Về lâm nghiệp: Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng cây đặc hữu của địa phương như hồi, quế, sò, ... Bố trí quỹ đất chuyển đổi mô hình trồng rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn với một số loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và tập quán canh tác như cây thông, quế, dổi... tại khu vực phía Nam Thị trấn Bình Liêu, xã Húc Động, xã Vô Ngại, ... với quy mô khoảng 23.000ha và các cây lâm đặc sản, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước và làm nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. Rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng sang đất sản xuất nông nghiệp, kết hợp với sản xuất lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch.

7.5. Định hướng phát triển trụ sở làm việc.

- Bố trí khu vực dự trữ hành chính tại các khu đô thị (khu vực phát triển đô thị mới) để xây dựng khu hành chính đô thị và quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc cấp đô thị; bố trí khu vực đất dự trữ cho các cơ quan hành chính còn thiếu và chưa đủ diện tích làm việc của huyện Bình Liêu và thị trấn Bình Liêu gắn với quảng trường, trung tâm văn hóa thể thao huyện để tạo nên không gian cảnh quan và giao tiếp lớn cho nhu cầu hoạt động tập thể quy mô lớn.

- Tôn tạo, nâng cấp hệ thống trung tâm hành chính, chính trị cấp tỉnh tại các cơ sở đã có. Hình thành các trung tâm hành chính cấp khu vực mới tại các khu vực phát triển đô thị mới.

- Hệ thống trụ sở làm việc các cơ quan hành chính cấp xã cơ bản được cải tạo chỉnh trang tại chỗ, đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc. Việc quy hoạch cụ thể thực hiện theo các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

7.6. Định hướng phát triển nhà ở.

a) Nhà ở đô thị.

- Định hướng phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư đô thị tập trung, tránh tình trạng nhà ở và không gian đô thị chỉ phát triển bám dọc theo các trục giao thông đặc biệt là quốc lộ, tỉnh lộ;

- Tại khu vực trung tâm đô thị cũ, việc phát triển nhà ở kết hợp với việc chỉnh trang không gian đô thị, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, cải tạo lại các phố hiện trạng; hoàn thiện trang thiết bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sự phát triển của đô thị.

b) Nhà ở xã hội.

- Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà cho thuê, nhà thu nhập thấp... gắn với các khu vực phát triển khu công nghiệp, khu giáo dục đào tạo tập trung, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị mới... kết hợp hài hòa với tổng thể đô thị.

- Các loại hình trên sẽ được bố trí trong đất đơn vị ở mới: đến năm 2030 diện tích đất cần bố trí khoảng 13-18 ha, năm 2040 diện tích đất cần bố trí khoảng 29-34ha. Trong đó khu vực nhà ở công nhân sẽ bố trí khoảng 7-12ha có thể nằm tại các xã có cụm công nghiệp nhằm đảm bảo khả năng di chuyển đến nơi làm việc được thuận tiện. ulu

Quỹ đất và vị trí phát triển nhà ở xã hội sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết, dự án thành phần đảm bảo quy mô, diện tích theo quy định.

c) Nhà ở nông thôn.

- Khu dân cư nông thôn phát triển mới: Phát triển các khu dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với nhu cầu phát triển đất ở của dân cư nông thôn. Khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẹt, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

- Tập trung hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, các hộ gia đình vùng sâu, vùng xa, khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai; xây dựng, cải tạo, chỉnh trang nâng cấp chất lượng nhà ở; khuyến khích, hỗ trợ về nhà ở, đất ở và hạ tầng kỹ thuật để hình thành các khu, cụm dân cư tập trung đối với đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng các công trình công cộng thiết yếu phục vụ công tác giáo dục và phát triển văn hóa đời sống cho người dân; Hoàn thiện trang thiết bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sự phát triển của nông thôn; Đảm bảo an ninh và quốc phòng đối với việc phát triển các khu vực nông thôn vùng biên giới.

8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.

8.1. Định hướng phát triển cơ sở giáo dục - đào tạo.

- Cải tạo, chỉnh trang tiếp tục sử dụng các cơ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thị trấn Bình Liêu.

- Trường trung học phổ thông bố trí với quy mô đảm bảo đủ phục vụ cho học sinh trong khu ở và khu vực lân cận. Xây dựng mới 01 trường trung học phổ thông tại thị trấn Bình Liêu. Cải tạo chỉnh trang các trường THCS và THPT hiện có đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Công trình giáo dục cấp đơn vị ở, cấp xã: Được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung xây dựng nông thôn, các quy hoạch chi tiết, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng. Sắp xếp các điểm trường phù hợp, ưu tiên sử dụng các điểm trường cũ cho hạ tầng văn hóa, thể thao, cây xanh công cộng...

8.2. Định hướng phát triển y tế.

- Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế huyện, xây dựng mới 02 Trung tâm y tế/bệnh viện đa khoa khu vực tại thị trấn Bình Liêu và khu vực Hoành Mô - Đồng Văn.

- Nâng cấp và cải tạo các trạm y tế xã để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân địa phương và tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Phát triển dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng (mô hình viện dưỡng lão), quy mô khoảng 80ha tại xã Đồng Tâm.

8.3. Định hướng phát triển văn hóa, thể dục thể thao.

- Duy trì sân thể thao đã có của huyện tại trung tâm thị trấn. Bổ sung sân thể thao cấp đô thị tại thị trấn Bình Liêu quy mô khoảng 1÷2 ha theo định hướng quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu; sân thể thao tại khu vực Hoành Mô - Đồng Văn quy mô khoảng 1÷2 ha cho nhu cầu phát triển đô thị loại V trong tương lai;

- Rà soát hệ thống các khu thể dục thể thao tập trung của các xã theo tiêu chuẩn nông thôn mới; mở rộng, xây dựng mới các khu thể dục thể thao tại trung tâm các xã đối với các xã chưa có khu thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn, đảm bảo mỗi xã có một

trung tâm văn hóa thể thao. Các sân thể thao hiện tại nếu chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng lâu dài chuyển đổi sang mục đích khác.

- Rà soát, thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 14/04/2022.

- Hoàn thiện hệ thống các nhà bưu điện - văn hóa phường/xã; xây dựng mới đài phát thanh, truyền hình hiện đại; xây dựng và nâng cấp các công trình phục vụ thể thao, các khu vui chơi, giải trí, công viên cây xanh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân.

9. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

9.1. Định hướng giao thông:

a. Đường bộ.

- Quốc lộ: thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo quốc lộ 18C, xây dựng tuyến đường tránh quốc lộ 18C theo quy hoạch phát triển hệ thống giao thông của tỉnh, đoạn đi qua khu vực đô thị thực hiện theo quy hoạch xây dựng đô thị.

- Đường tỉnh: Xây dựng tuyến đường tỉnh 340 kết nối huyện Bình Liêu với huyện Hải Hà; đường tỉnh 342 kết nối huyện Bình Liêu với huyện Tiên Yên và Ba Chẽ.

- Đường đô thị: Từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông theo quy hoạch đô thị.

- Đường vành đai biên giới phía Tây giáp ranh với Trung Quốc và tỉnh Lạng Sơn (mốc 61 đến mốc 68 thuộc xã Đồng Tâm): là tuyến đường phục vụ cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, du lịch gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, chiều dài 34km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV – V miền núi.

- Đường giao thông nông thôn: Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo các quy hoạch xây dựng nông thôn; nâng cấp, bổ sung các tuyến đường kết nối các khu chức năng với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh.

- Các công trình phục vụ giao thông: Xây dựng bến xe tại thị trấn Bình Liêu và bến xe tại cửa khẩu Hoàn Mô; cải tạo hệ thống cầu trên các tuyến đường theo cấp hạng đường quy hoạch, xây dựng mới các cầu vượt sông, cầu cạn đô thị.

(Hướng tuyến, quy mô các tuyến đường, các công trình đầu mối giao thông được xác định cụ thể theo các quy hoạch xây dựng và các dự án được phê duyệt).

b. Đường thủy.

Tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh về vận tải đường thủy nội địa; trên địa bàn huyện Bình Liêu có 3 sông chính: sông Tiên Yên, sông Tiên Mô và sông Đồng Văn, trong đó:

- Sông Tiên Yên: luồng đường thủy nội địa với chiều dài 21km, đạt cấp kỹ thuật cấp 2.

- Sông Tiên Mô và sông Đồng Văn chủ yếu phục vụ tưới tiêu, thoát nước.

- Xây dựng các bến thuyền du lịch trên sông Tiên Yên tại khu vực thị trấn Bình Liêu và sông Đồng Văn tại xã Đồng Văn gắn với các điểm du lịch.

c. Giao thông công cộng. ulu

- Vận tải hành khách liên tỉnh: Duy trì các tuyến vận tải liên tỉnh, bổ sung các tuyến kết nối Lạng Sơn.

- Vận tải xe buýt: Sử dụng hệ thống xe buýt của tỉnh, tăng cường kết nối với các khu vực Hạ Long, Tiên Yên, Móng Cái, Đầm Hà, Hải Hà....

d. Bến xe.

- Bến xe Bình Liêu tại Thị trấn Bình Liêu với quy mô 2,4ha đạt tối thiểu cấp III, phục vụ vận tải liên tỉnh.

- Bến xe Hoành Mô tại cửa khẩu Hoành Mô với quy mô 3,6ha, đạt tối thiểu cấp V.

e) Cầu.

- Cải tạo nâng cấp hệ thống cầu hiện trạng đảm bảo quy mô, kết cấu kỹ thuật và khả năng kết nối giao thông.

- Xây dựng các tuyến cầu mới vượt sông Tiên Yên, sông Tiên Mô và sông Đồng Văn, đảm bảo tính không phục vụ giao thông đường thủy.

9.2. Định hướng quy hoạch phòng chống thiên tai và cao độ nền xây dựng.

a) Phân vùng 1: Trung tâm Thị trấn Bình Liêu; xã Lục Hồn; xã Đồng Tâm; xã Vô Ngại; xã Hoành Mô; xã Đồng Văn: Cao độ xây dựng lớn nhất: +230m, thấp nhất: +84,3m (cao độ, tọa độ nhà nước) địa hình dốc thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.

b) Phân vùng 2: Trung tâm xã Húc Động; (một phần) phía Nam xã Vô Ngại; xã Đồng Tâm; xã Lục Hồn; xã Hoành Mô: Cao độ xây dựng lớn nhất: +255m, thấp nhất: +54m (cao độ, tọa độ nhà nước) địa hình dốc thấp dần từ phía Nam xuống Bắc và từ Đông sang Tây.

c) Phân Vùng 3: Phần phía Bắc Thị trấn; và phía Bắc các xã Lục Hồn; Đồng Tâm; Vô Ngại. Khu vực này nền cao, dốc giữ nguyên nền hiện trạng. Khuyến khích các giải pháp xây dựng phân tán bám địa hình, có khoảng cách ly đôi với khe suối.

(Cao độ nền xây dựng sẽ được tính toán cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết)

9.3. Định hướng quy hoạch thủy lợi và thoát nước mặt:

a) Vùng tiêu sông Đồng Văn. Nằm phía Đông của huyện (một phần phía Đông của phân vùng I và phía Đông Bắc phân vùng 2), lưu vực này thoát tập trung về sông Đồng Văn.

b) Vùng tiêu phía Bắc sông Tiên Yên. Nằm phía Tây Bắc huyện (thuộc phân vùng 3 và một phần phía Bắc phân vùng 1), lưu vực này thoát nước theo các lạch suối: Ngàn Chi; Khe Và, Ngàn Chuông, Ngàn Phe; Nà Đang; Bắc Cương sau đó ra sông Tiên Yên.

c) Vùng tiêu phía Nam sông Tiên Yên. Nằm phía Nam Huyện (thuộc phân vùng 2 và một phần phía Nam phân vùng 1) lưu vực này thoát nước theo các lạch suối: Tiên Mô; Tà Pát; sau đó ra sông Tiên Yên.

d) Giải pháp thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa thiết kế tự chảy, tận dụng hệ thống tự thủy tự nhiên; cải tạo và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước riêng, nửa riêng cho những khu vực phát triển xây dựng. Ueli

- Đối với khu vực đô thị hiện trạng tại phân vùng 1: Xây dựng hệ thống nả riêng, tách nước bẩn, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Khu vực phát triển xây dựng đô thị: thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng hoàn chỉnh với chế độ tự chảy.

- Đối với khu vực nông thôn tại phân vùng 2, phân vùng 3 sử dụng hệ thống thoát nước chung.

9.4. Định hướng quy hoạch cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước toàn huyện đến năm 2030 khoảng 10.000 m³/ngđ; đến năm 2040: 17.000 m³/ngđ.

b) Nguồn nước: Khai thác nguồn nước sông Tiên Yên, sông Đồng Văn, suối Đồng Mô hồ Khe Ngày, hồ Khe Và và các hồ khác trên địa bàn huyện.

c) Công trình đầu mối:

- Nâng công suất nhà máy nước Bình Liêu công suất hiện trạng 2.000 m³/ngđ; 2030: 5.000 m³/ngđ; 2040: 5.000 m³/ngđ.

- Xây dựng mới nhà máy nước hồ Khe Ngày tại xã Vô Ngại: Năm 2030: 4.000 m³/ngđ; đến năm 2040 công suất 8.000 m³/ngđ; nguồn nước hồ Khe Ngày và hồ Khe Và.

- Xây dựng mới nhà máy nước khu công nghiệp Vô Ngại công suất năm 2030: 2.000 m³/ngđ; năm 2040: 2.000 m³/ngđ; nguồn nước sông Tiên Yên.

- Nhà máy nước số 1 công suất hiện trạng 1.000 m³/ngđ, năm 2040 : 1.200 m³/ngđ. Nguồn nước suối Đồng Mô.

- Xây dựng mới Nhà máy nước số 2 công suất năm 2030: 3.000 m³/ngđ; năm 2040: 3.000 m³/ngđ, nguồn nước suối Đồng Văn từ hồ chứa nước Đồng Văn.

d) Bảo vệ nguồn nước: Các tiêu chuẩn về khoảng cách ly bảo vệ vệ sinh nguồn nước tuân thủ theo quy định. Các hồ chứa nước, sông Tiên Yên phải được bảo vệ nghiêm ngặt, không xây dựng các công trình, trồng cây và bảo vệ thảm thực vật để tạo nguồn nước cho hồ và sông.

9.5. Định hướng cấp điện, năng lượng.

a) Tổng nhu cầu phụ tải điện: Giai đoạn đến năm 2030 khoảng 50MW; giai đoạn đến năm 2040 khoảng 75 MW.

b) Nguồn điện chính cấp điện cho huyện Bình Liêu là nguồn điện Quốc gia thông qua trạm biến áp 110KV Bình Liêu - 2x63MVA xây dựng mới, dự kiến giai đoạn đầu lắp 2 máy 40MVA. Ngoài ra huyện Bình Liêu đang nghiên cứu các cánh đồng điện gió nối với lưới điện quốc gia 110KV, dự kiến quy mô khoảng 850ha (cụ thể theo đề án riêng).

c) Lưới điện:

- Lưới 110KV: Dự kiến xây dựng mới các tuyến 110KV mạch kép từ trạm 110KV Tiên Yên để cấp điện cho trạm 110KV Bình Liêu.

- Lưới điện trung thế: Tiếp tục sử dụng các tuyến trung áp 35KV cho các xã vùng sâu và vùng xa. Trung tâm thị trấn Bình Liêu, các khu vực dân cư tập trung sử

dụng cấp điện áp 22KV. Từng bước hạ ngầm các tuyến điện trung thế và hạ thế ở các khu vực quy hoạch ổn định, khu vực phát triển du lịch và dịch vụ.

- Trạm hạ thế: Ưu tiên xây dựng mới các trạm biến áp kiểu kín hợp bộ tại khu vực đô thị, các khu vực khác có thể sử dụng trạm treo hoặc trạm xây.

- Lưới hạ thế và chiếu sáng: Sử dụng cáp ngầm hạ thế ở khu trung tâm hành chính, kinh tế; các khu vực khác bố trí đi lưới hạ thế nổi. Trang bị hệ thống điều khiển tự động, tập trung cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

9.6. Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

a) Tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn toàn huyện khoảng: 7.000 m³/ngđ (đến năm 2030); 13.000 m³/ngđ (đến năm 2040).

b) Xây dựng các trạm xử lý nước thải ứng với từng phân vùng chức năng, đảm bảo thu gom xử lý nước thải triệt để cho khu vực nghiên cứu. Vị trí các trạm xử lý nước thải được phân chia theo ranh giới hành chính, các trục giao thông chính, địa hình sông suối tự nhiên và sẽ được cụ thể hóa trong giai đoạn quy hoạch sau.

c) Thu gom và xử lý nước thải các khu du lịch: Các khu du lịch sinh thái được xây dựng thành từng cụm với mật độ xây dựng thấp, xen kẽ các khu cây xanh, nước thải ở các khu vực này được xử lý cục bộ cho từng công trình hoặc nhóm công trình.

c) Khu vực nông thôn sử dụng hệ thống thoát nước chung.

d) Thu gom và xử lý nước thải khu công nghiệp: Thực hiện theo dự án riêng. Nước thải công nghiệp xử lý đạt tiêu chuẩn B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

e) Thu gom và xử lý nước thải y tế: phải được xử lý đạt QCVN 28-2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

9.7. Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn.

a) Tổng lượng chất thải rắn trên địa bàn toàn huyện khoảng: 64 tấn/ngđ (đến năm 2030); 108 tấn/ngđ (đến năm 2040):

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại sơ cấp tại nguồn; xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Bố trí các trạm trung chuyển hoặc điểm tập kết chất thải rắn cho các khu vực phát thải lớn gắn với các tuyến giao thông chính.

b) Giai đoạn đầu sử dụng các khu xử lý chất thải rắn tập trung theo định hướng của huyện tại xã Vô Ngại và tại xã Hoàn Mỹ. Dài hạn sử dụng khu xử lý chất thải rắn theo định hướng của Quy hoạch tỉnh.

9.8. Định hướng quy hoạch quản lý nghĩa trang

a) Khu vực đô thị: Không bố trí nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị. Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong ranh giới phát triển đô thị. Có kế hoạch thu hồi, giải tỏa khi có nhu cầu sử dụng đất. Các mộ khi giải tỏa chuyển về các nghĩa trang nông thôn và nghĩa trang tập trung của huyện. Khuyến khích người dân đô thị sử dụng hỏa táng theo chủ trương chung của tỉnh Quảng Ninh. Uch

b) Khu vực nông thôn: Người dân tiếp tục dùng các nghĩa trang hiện có đủ điều kiện tồn tại để mở rộng diện tích, xây dựng theo tiêu chuẩn nghĩa trang nông thôn mới.

c) Nghĩa trang tập trung: Sử dụng nghĩa trang tập trung đã xác định theo quy hoạch tỉnh.

9.9. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động.

a) Nhu cầu viễn thông đến năm 2030 khoảng: 60.000 thuê bao; đến năm 2040 khoảng 111.000 thuê bao.

b) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng hạ tầng đảm bảo theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ninh.

9.10. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

a) Bảo vệ hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, các thảm thực vật tại khu vực đồi núi, khu vực ven suối, có độ dốc lớn; trồng cây xanh, phục hồi cảnh quan tại các vực nước lớn như sông Hoành Mô, Đồng Văn, sông Tiên Yên, các suối sử dụng cho mục đích cấp nước,... Bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, ruộng bậc thang, không chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp ngoài khu vực đã được quy hoạch xây dựng.

b) Khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý, đảm bảo các quy định về môi trường trong khu vực bảo vệ nguồn nước, duy trì và bảo vệ diện tích mặt nước, tạo vùng lưu trữ nước.

c) Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển đô thị, du lịch, cụm công nghiệp sản xuất tập trung. Khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng thu gom và xử lý chất thải.

d) Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn tại các khu vực nhạy cảm về môi trường.

9.11. Kinh tế xây dựng.

a) Giai đoạn đến năm 2025: Triển khai các dự án trong đó ưu tiên các dự án động lực. Giai đoạn đầu tập trung phát triển hoàn thiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng chiến lược đã và đang triển khai như khu du lịch Cao Ly - Cao Xiêm, khu du lịch Sông Moóc, Cao Ba Lanh, thác Khe Vằn...; Thu hút đầu tư lấp đầy cụm công nghiệp Đồng Tâm. Hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Bình Liêu làm cơ sở thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các khu vực này. Triển khai các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ hiện đại.

b) Giai đoạn 2025-2030: Tiếp tục hoàn thiện các dự án phát triển du lịch trải nghiệm, sinh thái du lịch cộng đồng gắn với người dân. Thu hút đầu tư vào các khu vực trong khu kinh tế. Hoàn thiện các chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ hiện đại.

c) Giai đoạn 2030-2040: Phát triển mở rộng theo các chiến lược phát triển mới, khai thác vùng dự trữ mở rộng và chuyển đổi chức năng các khu vực theo hướng khai thác sử dụng đất hiệu quả.

(Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục kèm theo). uclv

9.12. Một số nội dung cần tiếp tục nghiên cứu triển khai trong quá trình lập các quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết, triển khai các dự án...:

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất rừng: Yêu cầu rà soát, kiểm tra kỹ các khu vực liên quan, diện tích đất rừng cụ thể khi triển khai các dự án thành phần, quy hoạch chi tiết 1/500 dự án thành phần đảm bảo tuân thủ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/08/2017, các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý rừng trên địa bàn tỉnh...

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất quốc phòng, đất địa hình được quy hoạch quản lý theo Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện rà soát kỹ lưỡng các khu vực liên quan, triển khai các thủ tục đầu tư đảm bảo quy định pháp luật hiện hành đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bình Liêu.

- Đối với việc phân kỳ giai đoạn thực hiện quy hoạch: Xác định lộ trình và các giai đoạn đầu tư phát triển cho khu vực theo từng giai đoạn, ưu tiên để phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạng mục công trình. Xác định danh mục các dự án thành phần triển khai từng khu vực theo giai đoạn đảm bảo phù hợp quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt với tỷ lệ 1/25.000, là Quy hoạch định hướng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tổ chức không gian đối với hệ thống đô thị, khu vực nông thôn và khu chức năng chủ yếu theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng (chỉ thể hiện đến cấp đường liên khu vực hoặc tương đương và ô đất giới hạn bởi các đường liên khu vực hoặc tương đương). Các tuyến đường có lộ giới < 26m và các khu vực chức năng liên quan, các dự án, công trình có quy mô diện tích nhỏ sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án Quy hoạch chung thị trấn, Quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết.... UBND huyện Bình Liêu trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, định hướng được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, thực tế hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu vực chức năng (sản xuất công nghiệp; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; thương mại - dịch vụ, du lịch; phát triển đô thị, phát triển dân cư nông thôn; quốc phòng, an ninh; khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; nghiên cứu đào tạo; di tích lịch sử, tôn giáo tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh, ...); dự án, công trình (hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật)....sẽ được xác định cụ thể, chính xác trong quá trình lập quy hoạch lớp dưới và các dự án đầu tư.

1. UBND huyện Bình Liêu có trách nhiệm quản lý toàn diện các hoạt động về quy hoạch xây dựng trên địa bàn; tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt; tổ chức lập chương trình phát triển đô thị trên địa bàn huyện; cung cấp thông tin về quy hoạch cho các tổ chức cá nhân theo quy định; rà soát, đánh giá, đề xuất thu hồi, hủy bỏ các quy hoạch không còn phù hợp, đề xuất kế hoạch lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch chung xã trên địa bàn theo quy định để cụ thể hóa Quy

hoạch xây dựng vùng huyện và làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư; xác định cụ thể chương trình, hạng mục hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Các sở: Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện quản lý Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/5000) huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025”.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng UBND dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hoá và Thể thao, Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Bình Liêu; Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Ưu 20*

Nơi nhận:

- QCT, P1;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0-V3, QH1-3 QLĐĐ1-3, XD1-5;
- Lưu: VT, QH3.
- 05b - QĐ01-04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q.CHỦ TỊCH**



[Signature]
Cao Tường Huy

**Phụ lục: Bảng danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2022-2030
kèm theo nội dung Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Liêu đến
năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.**

(kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
A	Nhóm dự án quy hoạch – chương trình			
1	Điều chỉnh QH KKTCK Hoành Mô - Đồng Văn		2022-2025	Ngân sách NN
2	Quy hoạch chung Thị trấn Bình Liêu		2022-2023	Ngân sách NN
3	Lập quy QHC xây dựng các xã		2022-2023	Ngân sách NN
4	Lập QH phân khu tại Thị trấn Bình Liêu; Cửa khẩu Hoành Mô – Đồng Văn		2022 - 2025	Ngân sách NN
5	Lập QH chi tiết tỷ lệ 1/500 tại các khu vực trên địa bàn huyện		2022 - 2025	Ngân sách NN
6	Chương trình phát triển đô thị huyện Bình Liêu		2022 - 2025	Ngân sách NN
B	Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật			
1	Nâng cấp QL.18C	4 làn xe	2022-2025	Ngân sách NN
2	Xây dựng ĐT.342	4 làn xe	2022-2025	Ngân sách NN
3	Xây dựng ĐT.340	2-4 làn xe	2022-2025	Ngân sách NN
4	Đường tránh Thị trấn Bình Liêu	Đường cấp III	2022-2025	Ngân sách NN
5	Đường giao thông Húc Động- Quảng An huyện Đàm Hà	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	2022-2030	Ngân sách NN
6	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh - huyện-xã	Đường cấp IV; tối thiểu 2 làn xe	2022-2030	Ngân sách NN
7	Nâng cấp các tuyến đường thôn- xóm	Đường cấp IV; V	2022-2030	Ngân sách NN
8	Nhà máy cấp nước sạch đô thị Khu KTTCK HMô - Đồng Văn		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
9	Nhà máy cấp nước sạch đô thị; Thị trấn Bình Liêu		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
10	Hồ chứa nước Khe Ngà tại xã Vô Ngại hoặc Khe Và tại Thị trấn		2022-2025	Ngân sách NN
11	Nâng cấp các công trình thủy lợi, phục vụ nước sản xuất, sinh hoạt		2022-2025	Ngân sách NN <u>Vườn</u>

TT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
12	Đường dây điện 35 KV mạch 2		2022-2030	Ngân sách NN
13	Cải tạo, nâng cấp đường hạ thế, trạm biến áp đường dây		2022 - 2030	Ngân sách NN
14	Hạ tầng kỹ thuật khu vực Thị trấn Bình Liêu		2025-2030	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
15	Xây dựng đập dâng nước tại khu vực Thị trấn Bình Liêu		2025-2030	Ngân sách NN
16	Kè hai bờ sông Tiên Yên đoạn qua thị Trấn.	Tổng chiều dài kè 5,7km.	2025-2030	Ngân sách NN
17	Kè bờ sông Đồng Văn đoạn qua cửa khẩu.	Tổng chiều dài kè 6km.	2025-2030	Ngân sách NN
18	Xây dựng mới nhà máy nước hồ Khe Ngày tại xã Vô Ngại nguồn nước hồ Khe Ngày hoặc Khe Và tại Thị trấn.		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
19	Nâng cấp nhà máy nước Bình Liêu lên công suất 4.000 m3/ngđ	4.000 m3/ngđ	2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
20	Xây dựng bổ sung các tuyến ống cấp nước phù hợp với các khu vực ưu tiên phát triển		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
21	Khu đất phục vụ san lấp mặt bằng trên địa bàn huyện		2022 - 2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
22	Khu bãi đổ thải trên địa bàn huyện		2022 - 2025	Ngân sách NN
C	Nhóm dự án phát triển kinh tế			
1	Nhóm các công trình Hạ tầng kỹ thuật các khu: Khu KTCK Hoàn Mô- Đồng Văn; Cụm công nghiệp Đồng Tâm; khu nhà máy SX, CB, CT, làng nghề tại Vô Ngại.	Khoảng 500ha	2025-2030	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
2	Xây dựng nhà máy may		2022-2025	Ngoài NSNN
3	Xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm		2022-2025	Ngoài NSNN
4	Xây dựng nhà máy sản xuất bột giấy		2022-2025	Ngoài NSNN
5	Xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến nông, lâm sản		2022-2025	Ngoài NSNN
6	Xây dựng HTKT các khu dân cư đô thị mới khác		2022-2030	Ngân sách NN
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư nông thôn		2022-2030	Ngân sách NN

TT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
D	Nhóm dự án hạ tầng xã hội			
1	Khu di tích danh thắng Thác Khe Vằn, xã Húc Động		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
2	Bảo quản, trùng tu, tôn tạo Đình Lục Nà, xã Lục Hồn		2022-2025	Ngân sách NN
3	Khu di tích danh thắng ruộng bậc thang, xã Lục Hồn		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
4	Khu du lịch sinh thái Cao ly; Sông Moóc; Cao Ba Lanh; Cao Xiêm		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
5	Khu du lịch sinh thái dịch vụ, thương mại		2022-2030	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
6	Bản văn hóa người Tày tại xã Lục Hồn, Sán Chỉ tại xã Húc Động, người Dao tại xã Đồng Văn		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
7	Trường THPT Bình Liêu		2022-2025	Ngân sách NN
8	Trường THCS-THPT Hoàng Mô		2022-2025	Ngân sách NN
9	Trường THCS Lục Hồn chất lượng cao (đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2)		2022-2025	Ngân sách NN
10	Trường Tiểu học Tinh Húc, Thị trấn (đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2)		2022-2025	Ngân sách NN
11	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện (Cơ sở 1)		2022-2025	Ngân sách NN
12	Xây dựng Trung tâm y tế Bình Liêu (Cơ sở 2 Hoàng Mô)		2025-2030	Ngoài NSNN
13	Xây dựng chợ cửa khẩu Hoàng Mô; Chợ Đồng Văn		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
14	Nâng cấp cải tạo chợ Thị trấn		2022-2025	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)
15	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND các xã, Thị trấn		2022-2025	Ngân sách NN
16	Xây dựng Trung tâm thương mại cửa khẩu Hoàng Mô		2022-2025	Ngoài NSNN
17	Trung tâm thương mại tại Thị trấn Bình Liêu		2022-2025	Ngoài NSNN
18	Xây dựng Nhà Văn hóa đa năng tại trung tâm huyện		2022-2030	Ngân sách NN

TT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian	Nguồn vốn
19	Nâng cấp cải tạo các trường học hiện có đảm bảo tiêu chuẩn ngành		2022-2025	Ngân sách NN
20	Các dự án thu hút du lịch theo đề án Phát triển du lịch huyện Bình Liêu		2022-2030	Ngân sách NN (hoặc ngoài NSNN)